

Mỹ thuật Việt Nam và thập kỷ bản lề đang để ngỏ

Họa sĩ LƯƠNG XUÂN ĐOÀN

(Chủ tịch Hội Mỹ thuật Việt Nam)

Những nét phác đầu tiên thật quá quyết của Mỹ thuật Đổi mới ở Việt Nam, chẳng mấy ai ngờ, lại xuất hiện hiển nhiên ở Triển lãm Mỹ thuật toàn quốc năm 1976 khi Bắc Nam một nhà, Tổ quốc thống nhất, núi sông bờ cõi một dải nối liền như chưa hề có sự chia đôi.

Thật toàn vẹn về đẹp người “nghệ sĩ - chiến sĩ” qua hai cuộc kháng chiến trường kỳ của dân tộc. Xuất hiện công khai những ước ao cho sự phong phú đa dạng hơn về hình thức và ngôn ngữ của dòng nghệ thuật chủ lưu hiện thực xã hội chủ nghĩa, không chỉ ở các nghệ sĩ còn trẻ, sinh sau 1945, mà bước đột phá tiên phong lại là người đại diện xứng đáng của Thế hệ Vàng trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương - họa sĩ Nguyễn Đỗ Cung qua tác phẩm Sơn dầu *Tan ca - mời chị em ra họp để thi chọn thợ giỏi*. Ông trở lại ngôi vị người nghệ sĩ dẫn thân của thập kỷ 30, 40 của thế kỷ trước. Giải nhất của Triển lãm này đã dành cho tác phẩm của Ông là sự thừa nhận không có tranh cãi về sự ảnh hưởng tất yếu của nghệ thuật phương Tây hiện đại cho sự thay đổi không thể khác của nền Mỹ thuật hiện đại Việt Nam.

Sự nhập cuộc đương nhiên và chân thành của các họa sĩ trước 1975 ở Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh và Thừa Thiên - Huế đã hòa điệu và hòa hợp vào dòng chảy chung nhưng có riêng ngôn ngữ của nghệ thuật hiện đại phương Tây được tiếp nhận

trước đó, và điều này là một trong đóng góp mới mẻ để các đề tài mũi nhọn không còn đơn điệu nữa. Sự đánh thức tình cờ này được các nghệ sĩ Trẻ miền Bắc tiếp nhận và tự tin đi tới những thành công mang tính bước ngoặt tại Triển lãm Mỹ thuật toàn quốc 1980, sự lật trang quan trọng từ Mỹ thuật Đông Dương 1925 cho tới thời điểm đó. Hội đồng Nghệ thuật với các bậc thầy của Thế hệ Vàng Đông Dương chấp nhận những thế hệ khác, trẻ hơn, đến sau trong cuộc cách tân nhẹ nhõm, bình yên về ngôn ngữ nghệ thuật nhưng quyết liệt về quan niệm và khuynh hướng sáng tác. Mỹ thuật đã đi trước Đổi mới, đưa ra một toàn cảnh khác, từ chối sự mưa khắp, cào bằng của cơ chế bao cấp trong nghệ thuật từ nhiều thập kỷ qua. Cái tôi cá nhân, những cá thể nghệ sĩ độc lập là lộ trình tất yếu thay thế hình ảnh dàn hàng ngang cùng bước rất quen thuộc của những năm trước đó. Nghệ thuật hiện thực xã hội chủ nghĩa không còn độc tôn, đơn điệu và đồng nhất. Sự tự do sáng tạo cá nhân là đương nhiên cùng sự đa dạng của những quan niệm và khuynh hướng sáng tác. Đại hội Đổi mới của Đảng năm 1986 và Nghị quyết 05 của Bộ Chính trị năm 1987 là bước chuyển quan trọng về đường lối Văn hóa Văn nghệ của Đảng ta từ *Đề cương Văn hóa* (1943) và những cuộc tranh luận văn nghệ tại Việt Bắc vào các năm 1948 - 1949 sau đó. Tự do sáng tạo, tự cởi trói và tự cứu mình trước khi Trời cứu là lời mách

bảo chân tình của Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh với Văn nghệ sĩ để có một toàn cảnh sáng sủa hơn cho nền Văn học Nghệ thuật Việt Nam trong những năm cuối của thập kỷ 80 và 5 năm tiếp theo trong thập niên bản lề của Thế kỷ trước.

Năng lực để đổi mới là có thật từ vị trí điều hành trẻ hơn của Hội Mỹ thuật Việt Nam những năm từ 1983 đến 1989.

Triển lãm cá nhân lần đầu tiên của ba bậc thầy kết thúc Thế hệ Vàng Đông Dương với các danh họa Nguyễn Sáng, Nguyễn Tư Nghiêm, Bùi Xuân Phái là món quà vô giá về tinh thần với thế hệ nghệ sĩ Trẻ. Các Triển lãm Trẻ tiếp theo đã tự tin đối diện với những phản ứng và phê phán quyết liệt từ phía các nhà phê bình chứ không phải từ đồng nghiệp. Triển lãm "Tác phẩm mới" của nhóm 10 họa sĩ Thành phố Hồ Chí Minh gây xôn xao dư luận Hà Nội về Hội họa Trừu tượng và là dự báo đẹp đẽ về Triển lãm Trừu tượng mang tính toàn quốc, "quan trọng và mới mẻ đối với sinh hoạt nghệ thuật của đất nước kể từ ngày thống nhất đến nay... một phương tiện diễn đạt tốt nhất, trực tiếp nhất, trung thực nhất" như lời giới thiệu của Họa sĩ Nguyễn Trung trong Vụng tập Triển lãm Trừu tượng - 1992.

Triển lãm 16 người năm 1989 tại Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam với phương thức tổ chức độc lập, từ chối cơ chế bao cấp để làm quen với việc tự lo chi phí, không có cơ quan bảo trợ, không có sự duyệt tranh và họa sĩ có quyền bán tranh là tín hiệu vui, sớm sủa nhất về tự do sáng tác và kinh tế thị trường cho xu thế phát triển của Mỹ thuật Việt đương đại.

Hoạt động mở cửa để giao lưu và hội nhập quốc tế đã sớm có trong những năm cuối của thập kỷ 80 từ các quan hệ đối ngoại và sự tài trợ hoàn toàn của các Hội nghề nghiệp ở các nước Xã hội Chủ nghĩa Đông Âu với Hội Mỹ thuật Việt Nam. Các

họa sĩ nước ta tự tin hơn trong sáng tạo khi gặp gỡ đồng nghiệp quốc tế, mở rộng tầm mắt khi trực tiếp cảm nhận nghệ thuật Châu Âu hiện đại.

Trong thời kỳ Đổi mới, lý luận mỹ thuật, sử nghệ thuật và phê bình mỹ thuật là những đóng góp quan trọng để thay đổi quan niệm, nhận thức, hiểu biết của chính người sáng tác đến công chúng rộng rãi về loại hình Mỹ thuật. Nghệ thuật Đổi mới cũng nhờ vậy mà tiếp cận nhanh trên các phương tiện thông tin đại chúng. Người dân tiếp xúc nhanh với mỹ thuật và đương nhiên, đời sống tinh thần của họ cũng đa dạng hơn, phong phú hơn.

Tất yếu hay tình cờ mà Mỹ thuật Việt Nam là hình ảnh, là cửa sổ của Đổi mới mở tung ra thế giới bên ngoài. Mỹ thuật Việt đương đại, cũng nhờ vậy mà hòa nhập nhanh chóng vào mỹ thuật quốc tế và khu vực, điem tĩnh và tự tin đặt một nét son khiêm nhường trên bản đồ nghệ thuật của nhân loại.

Nền kinh tế thị trường ở Việt Nam tiếp nhận sự nhập cuộc nhanh chóng của Mỹ thuật. Thị trường tranh tự phát và không chuyên nghiệp cũng đã hình thành để hệ lụy của nó là Thị trường tranh giả Việt Nam đầy tai tiếng ở trong và ngoài nước mà luật pháp Việt Nam chưa đủ hành lang pháp lý và chế tài xử phạt để nghiêm trị những kẻ làm tranh giả không chỉ ở trong nước mà còn có sự tiếp tay an toàn của người nước ngoài.

Đến muộn, nhưng nghệ thuật đương đại Việt Nam với loại hình nghệ thuật Sắp đặt (Installation), Trình diễn (Performance), Video Art cũng gây ra những sóng gió của công luận và những bối rối tất nhiên của người quản lý hoạt động văn hóa, văn học nghệ thuật. Đây là những cú huých khác lạ, trẻ trung, cảnh báo sự trì trệ của hội họa giá vẽ và là động lực mới mẻ, năng động để Mỹ thuật đương đại Việt Nam chấp nhận sự bút

phá để thay đổi.

Sự trở về khó cưỡng để hòa đồng của nhiều thế hệ nghệ sĩ ở hải ngoại với đời sống mỹ thuật trong nước mang nỗi niềm tìm trở lại nguồn cội và quê hương là những hóa giải đẹp đẽ cho hòa hợp dân tộc khi đâu đó chưa nguôi quên những câu chuyện buồn của quá khứ.

Hội Mỹ thuật Việt Nam với sứ mệnh chính trị - xã hội và nghề nghiệp đã gắn bó và đồng hành theo lộ trình thăng trầm của nền Mỹ thuật đương đại Việt. Khoảng cách vùng, miền hẹp lại qua các Triển lãm Mỹ thuật Khu vực. Mặt bằng hoạt động Mỹ thuật giảng rộng khắp 63 tỉnh, thành phố trong cả nước, ngăn lại những cách biệt về quan niệm, khuynh hướng sáng tác khi hội họa Hiện thực và Cục thực vẫn phát lộ đẹp đẽ ở Cao Bằng, Tuyên Quang, Long An, Ninh Thuận. Đồ họa Đương đại giàu biểu cảm, đa ngữ nghĩa vẫn ẩn hiện trong những tầng sâu Triết - Mỹ của các nghệ sĩ còn rất trẻ ở Hà Nội, Bắc Ninh, Yên Bái, Nghệ An, Thành phố Hồ Chí Minh, Cà Mau. Và đặc biệt là những cuộc bút phá ngoạn mục của điêu khắc đương đại ở Hà Nội, Bắc Giang, Ninh Bình, Thừa Thiên - Huế, Bình Định, Đồng Nai, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiên Giang... Tự tin, tự trưởng thành và thăng hoa trong sáng tạo nghệ thuật trên những mảnh đất quê hương đa sắc tộc, đa văn hóa từ dân tộc dân gian đến đương đại là bức tranh toàn cảnh đầy kỳ vọng của Mỹ thuật Việt Nam trước thập niên thứ ba của Thế kỷ mới.

Trong cuốn sách rộng mở của mỹ thuật quốc tế, nói như nhà phê bình mỹ thuật Nguyễn Quân - Mỹ thuật Việt Nam đã trưởng thành đầy đủ và viết nên một trang sử mới của mình. Hình thành mẫu nghệ sĩ độc lập - chuyên nghiệp. Tự do sáng tạo là đương nhiên nhưng họ cũng bị ràng buộc khi cơ chế chuyển đổi phức tạp hơn cùng

sự bắt nhịp với đô thị hóa, công nghiệp hóa. Với những đòi hỏi gấp gáp của bùng nổ đô thị, các khuynh hướng nghệ thuật và phong cách cá nhân buộc phải chung sống trong sự phồn tạp khi cơ cấu hạ tầng cho mẫu hình nghệ sĩ độc lập - chuyên nghiệp chưa hình thành đầy đủ.

"Trăm năm là ngắn..." nhưng người nghệ sĩ mỹ thuật đã đi những bước dài. Thoát thai từ người thợ thủ công của các phường nghề gia nhập lớp trí thức tinh hoa của xã hội, chiếm một vị thế đáng kính trọng trong đời sống văn hóa văn nghệ, người nghệ sĩ ấy khi là anh tiểu tư sản lãng du, khi là chiến sĩ - cán bộ, khi là nhà hoạt động độc lập chuyên nghiệp, đều luôn phải đóng vai trò trí thức ưu tú. Tuy nhiên, bên cạnh tài năng, nhiệt tâm với nghệ thuật, tầm cỡ và nội lực trí thức văn hóa vẫn là một điểm yếu của nghệ sĩ Việt Nam. Tính tư tưởng, chiều sâu Triết - Mỹ, tư cách xã hội, tính chuyên nghiệp chưa đủ lớn lao, sáng sủa, sắc bén để tạo nên những nhân cách văn hóa. Đó cũng chính là những bất cập và băn khoăn của thế hệ nghệ sĩ ngày nay. Song, có lẽ chính nhận thức về những thiếu hụt và bất cập ấy sẽ là động lực của Mỹ thuật trong tương lai gần. Các bậc thầy Mỹ thuật Việt Nam của một thế kỷ qua sẽ là những tấm gương và những bài học quý...

Thập kỷ bản lề đang để ngỏ. Hội Mỹ thuật Việt Nam, giới Mỹ thuật Việt Nam đang đối diện với những thách thức mới. Các nghệ sĩ Trẻ đang là cái cây dự báo thời tiết nghệ thuật đương thời thật chuẩn xác. Nhưng lúc này, họ vẫn đứng từ xa, chưa muốn đến gần với Hội nghề nghiệp của mình.

Lạ thay, khi sứ mệnh nghệ thuật đã sang vai các thế hệ 7X, 8X, 9X, cửa vẫn đang mở cho tự do sáng tạo cá nhân. Vậy còn điều gì băn khoăn về ngôi nhà chung của giới Mỹ thuật Việt Nam để các nghệ sĩ Trẻ của chúng ta chưa muốn tới...? □